

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 85/2017/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, bao gồm: lập, gửi, xét duyệt quyết toán, thẩm định, thông báo kết quả thẩm định quyết toán và chỉnh lý quyết toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là Bộ, ngành trung ương) và Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các chủ đầu tư, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan khác được giao quản lý vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm.

Điều 3. Nguyên tắc quyết toán

1. Số liệu quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm phải chính xác, trung thực, đầy đủ các thông tin về tình hình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm.
2. Số liệu đưa vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc cơ quan thanh toán vốn.
3. Hằng năm, kết thúc niên độ ngân sách các Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các chủ đầu tư, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp và các cơ quan khác được giao quản lý vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện việc lập, gửi, xét duyệt quyết toán, thẩm định quyết toán và thông báo kết quả thẩm định quyết toán, chỉnh lý quyết toán theo nội dung, nguyên tắc, thời hạn quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thời hạn khóa sổ lập báo cáo quyết toán năm

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trong năm thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán theo quy định. Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau. Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng, công việc đã thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trước

được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm trước.

Điều 5. Nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm

1. Các loại kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện lập báo cáo quyết toán năm, gồm:

- a) Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước được Nhà nước giao kế hoạch trong năm.
- b) Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm quyết toán thực hiện và thanh toán.

2. Đối với vốn đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép ứng trước kế hoạch vốn năm sau thì không yêu cầu lập báo cáo quyết toán năm, nhưng lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện và thanh toán vốn trong năm để cơ quan tài chính các cấp theo dõi và quản lý theo quy định.

3. Vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán năm, bao gồm:

- a) Tổng số vốn thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án đầu tư được giao trong năm kế hoạch, kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu, ghi chi hay thanh toán bằng ngoại tệ từ ngày 01 tháng 01 năm kế hoạch đến thời hạn chỉnh lý quyết toán.

Trường hợp trong kế hoạch vốn đầu tư được giao có bố trí để thu hồi số vốn đã được ứng trước kế hoạch của các dự án (theo kết quả giải ngân thực tế), số vốn quyết toán là tổng số vốn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết niên độ quyết toán, bao gồm cả phần thanh toán khối lượng hoàn thành của kế hoạch ứng trước đã thanh toán trước đây chuyển sang.

** Ví dụ: Dự án A được ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch vốn trong năm 2015 là 10 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2016 của dự án được bố trí 30 tỷ đồng, trong đó thu hồi vốn ứng là 5 tỷ đồng (thu hồi vốn ứng theo kết quả giải ngân thực tế). Tuy nhiên, kết quả giải ngân thực tế của kế hoạch vốn bố trí để thu hồi vốn ứng trước chỉ là 3 tỷ đồng (trong đó thanh toán khối lượng hoàn thành là 2 tỷ đồng; tạm*

ứng theo chế độ là 1 tỷ đồng), theo số liệu trên thì kế hoạch vốn còn lại của dự án được thanh toán trong năm 2016 là 27 tỷ đồng (trong năm 2016 thanh toán khối lượng hoàn thành là 20 tỷ đồng; tạm ứng theo chế độ là 7 tỷ đồng). Như vậy số vốn được đưa vào quyết toán trong năm 2016 của dự án A cho phần khối lượng hoàn thành là 22 tỷ đồng (bao gồm: 2 tỷ đồng + 20 tỷ đồng) và số vốn tạm ứng theo chế độ là 8 tỷ đồng (bao gồm: 1 tỷ đồng + 7 tỷ đồng) chuyển sang các năm sau quyết toán.

b) Vốn thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn thuộc kế hoạch năm trước được phép chuyển năm sau thực hiện và thanh toán, kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu, ghi chi hay thanh toán bằng ngoại tệ từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến hết thời hạn chỉnh lý quyết toán.

c) Thanh toán từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến thời hạn chỉnh lý quyết toán các khoản đã tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch, sau khi trừ đi số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm (nếu có).

4. Đối với số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm quyết toán. Sau thời gian chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng, cơ quan tài chính không phải xét chuyển.

5. Số liệu báo cáo quyết toán phải được phản ánh chi tiết theo từng Bộ, ngành, địa phương, từng nguồn vốn, từng dự án, trong đó chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài (nếu có).

Vốn nước ngoài đưa vào quyết toán niên độ ngân sách năm, gồm: số vốn nước ngoài đã được thực hiện ghi thu, ghi chi và số vốn nước ngoài được thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước (nếu có), đồng thời các đơn vị báo cáo thành biểu riêng đối với các dự án có vốn nước ngoài được thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước tương tự như mẫu biểu có vốn nước ngoài.

6. Phần thuyết minh:

a) Đối với chủ đầu tư: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước được Nhà nước giao trong năm; thuyết minh

các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

b) Đối với các Bộ, ngành trung ương; cơ quan cấp trên của chủ đầu tư; các Sở, ban, ngành địa phương; chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực): Báo cáo tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước được Nhà nước giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn so với kế hoạch được giao, trong đó nêu rõ việc tăng giảm kế hoạch vốn đầu tư; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

c) Đối với cơ quan Kho bạc Nhà nước, cơ quan thanh toán:

Báo cáo tổng quát đặc điểm, tình hình thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước được Nhà nước giao trong năm do Kho bạc Nhà nước (hoặc cơ quan thanh toán) kiểm soát thanh toán.

Đề xuất và kiến nghị tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến công tác quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cũng như công tác quản lý vốn đầu tư.

7. Phần số liệu và biểu mẫu:

a) Đối với chủ đầu tư thực hiện các biểu ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, bao gồm:

- Biểu số 01/CĐT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách năm.
- Biểu số 02/CĐT về báo cáo kế hoạch và thanh toán các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước - Ứng trước kế hoạch vốn ngân sách năm sau.
- Biểu số 03/CĐT về báo cáo tổng hợp kết quả xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra của các dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trong năm quyết toán.
- Biểu số 04/CĐT về Bảng đối chiếu xác nhận số liệu các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước.